



# 目次

01 地方再編の背景

02 地方再編の目的

03 再編後に予想される課題

04 結論と今後の展望

再編後のベトナム地図



出所：マイソン電子新聞、CPVN 編集

# 1. 地方再編の背景

ベトナムでは以前から、地方行政区画（省・市、郡・県・区、村・コミュニティなど）の数が多く、行政の階層構造が複雑でした。従来は、全国に六十三の「省（および直轄市）」レベルの単位、さらに、その下に複数の階層（郡・県・区、村・コミュニティ等）が存在していました。

しかし、経済発展、都市化の進展、人口移動、行政サービスの効率化、迅速化の必要性などに伴い、従来の多層構造や多くの行政区画が必ずしも現状の社会経済構造や住民ニーズにそぐわないという認識が高まっていました。

特に、人口密度の低い地域や、経済規模、生活基盤の弱い地域では、従来の「郡・県・区」や「村・コミュニティ」といった小規模行政区画では行政や管理コストが高く、その効率性・持続性に課題がありました。また、地方行政の簡素化、国家運営コストの削減、行政の機動性強化、地域間格差是正、公共サービスの質向上などの観点から、行政区画の見直しが検討されるようになりました。



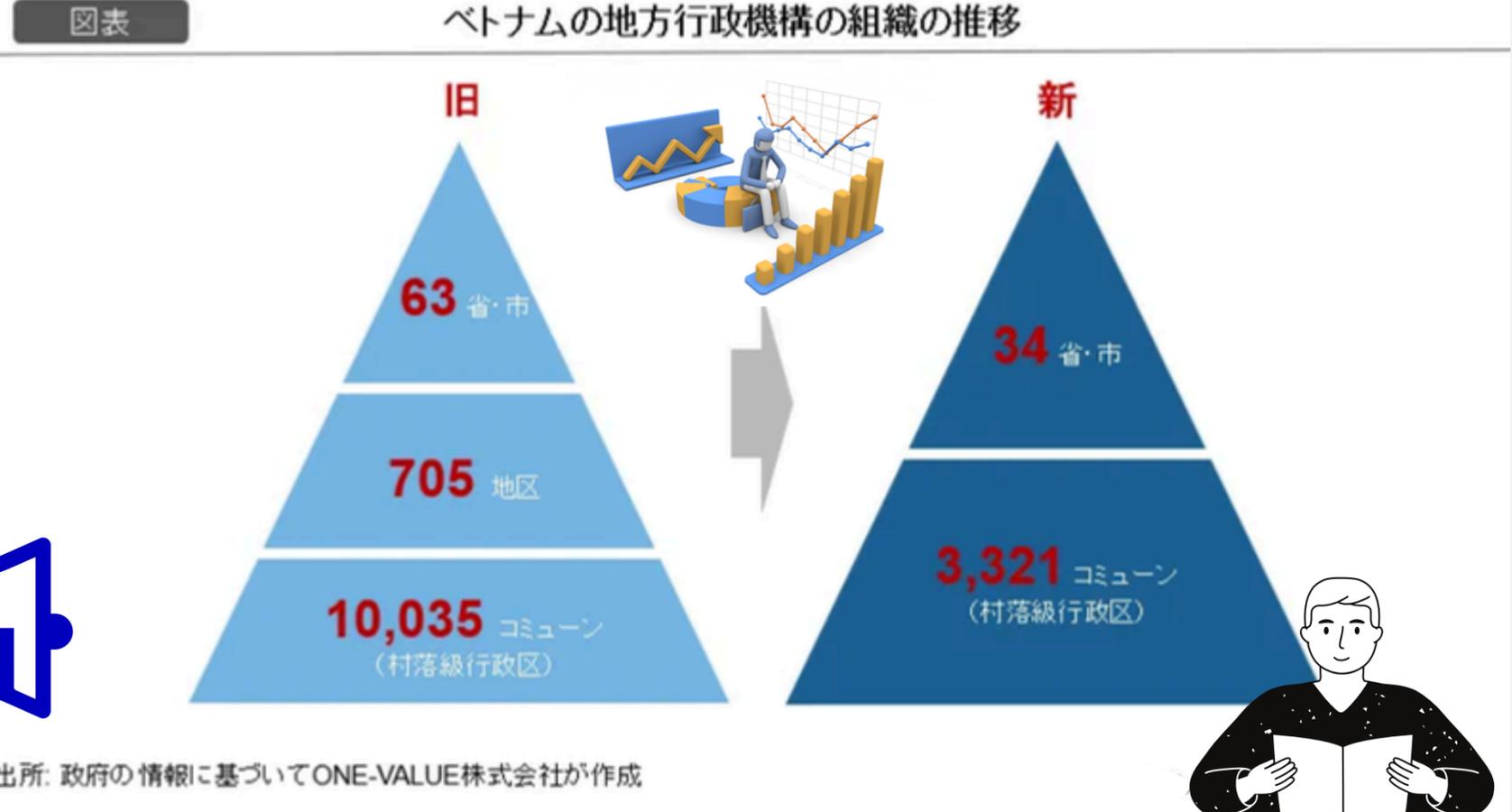
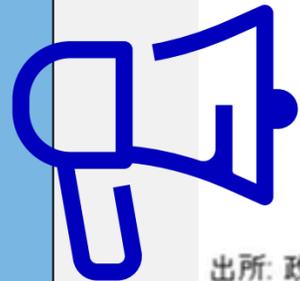
2025年4月12日、ベトナム共産党中央委員会は、全国の地方行政区画の統廃合および改編を含む「2層地方政府モデル（省+コミューン・村レベル）」へ移行を決定する決議（No. 60-NQ/TW）を採択。郡・県・区を廃止し、コミューン・村も統廃合する方針を打ち出しました。

ベトナム共産党のトー・ラム書記長が委員会にて発表



2025年6月12日、ベトナム国会は新たな行政区画計画を正式に承認されました。これにより、全国の省・直轄市が現行の63から34に再編されることが決定しました。

加えて、郡・県・区の行政単位は廃止され、コミューン・村レベルについても大幅統廃合が実施されます。具体的には、全国の約10,035のコミューン・村レベル単位が、約3,321単位へと再編されました。



党中央委は2025年7月1日をもって2階層構造の行政単位の活動を終了させる方針です。改革の実施にあたり、各地方では行政機構や行政職員の再配置、公務員および地方職員の整理、組織再編、資産・施設の統合、法制度の改正などが進められています。

表 地方再編後の34省・市

I. 合併しない省・市

|    | 地域 | 名称       | 政治・行政中心地 |
|----|----|----------|----------|
| 1  | 北部 | ハノイ市     | ハノイ市     |
| 2  | 中部 | フエ市      | フエ市      |
| 3  | 北部 | ライチャウ省   | ライチャウ省   |
| 4  | 北部 | ディエンビエン省 | ディエンビエン省 |
| 5  | 北部 | ソンラ省     | ソンラ省     |
| 6  | 北部 | ランソン省    | ランソン省    |
| 7  | 北部 | クアンニン省   | クアンニン省   |
| 8  | 中部 | タインホア省   | タインホア省   |
| 9  | 中部 | ゲアン省     | ゲアン省     |
| 10 | 中部 | ハティン省    | ハティン省    |
| 11 | 北部 | カオバン省    | カオバン省    |

II. 合併する省・市

|    | 地域 | 新名称      | 新政治・行政中心地 | 現行の省市                  |
|----|----|----------|-----------|------------------------|
| 1  | 北部 | トゥエンクアン省 | トゥエンクアン省  | トゥエンクアン省・ハザン省          |
| 2  | 北部 | ラオカイ省    | イエンバイ省    | ラオカイ省・イエンバイ省           |
| 3  | 北部 | タイグエン省   | タイグエン省    | バクカン省・タイグエン省           |
| 4  | 北部 | フート省     | フート省      | ピンフック省・フート省・ホアビン省      |
| 5  | 北部 | バクニン省    | バクザン省     | バクニン省・バクザン省            |
| 6  | 北部 | フンイエン省   | フンイエン省    | フンイエン省・タイビン省           |
| 7  | 北部 | ハイフォン市   | ハイフォン市    | ハイズオン省・ハイフォン市          |
| 8  | 北部 | ニンビン省    | ニンビン省     | ハナム省・ニンビン省・ナムディン省      |
| 9  | 中部 | クアンチ省    | クアンビン省    | クアンビン省・クアンチ省           |
| 10 | 中部 | ダナン市     | ダナン市      | クアンナム省・ダナン市            |
| 11 | 中部 | クアンガイ省   | クアンガイ省    | コントゥム省・クアンガイ省          |
| 12 | 中部 | ザーライ省    | ピンディン省    | ザーライ省・ピンディン省           |
| 13 | 中部 | カインホア省   | カインホア省    | ニントゥアン省・カインホア省         |
| 14 | 中部 | ラムドン省    | ラムドン省     | ラムドン省・ダクノン省・ピントゥアン省    |
| 15 | 中部 | ダクラク省    | ダクラク省     | ダクラク省・フーイエン省           |
| 16 | 南部 | ホーチミン市   | ホーチミン市    | バリアブントウ省・ピンズオン省・ホーチミン市 |
| 17 | 南部 | ドンナイ省    | ドンナイ省     | ドンナイ省・ピンフォック省          |
| 18 | 南部 | タイニン省    | ロンアン省     | タイニン省・ロンアン省            |
| 19 | 南部 | カントー市    | カントー市     | カントー市・ソクチャン省・ハウザン省     |
| 20 | 南部 | ピンロン省    | ピンロン省     | ベンチェ省・ピンロン省・チャビン省      |
| 21 | 南部 | ドンタップ省   | ティエンザン省   | ティエンザン省・ドンタップ省         |
| 22 | 南部 | カマウ省     | カマウ省      | バクリュウ省・カマウ省            |
| 23 | 南部 | アンザン省    | キエンザン省    | アンザン省・キエンザン省           |

(出所) 現地報道を基にジェトロ作成



出所: JETRO「ビジネス短信」資料を基にスタディスト作成

## 2. 地方再編の目的

### ① 行政効率の向上と政府コスト削減

多くの行政単位を統合・廃止することで、行政管理コスト、公務員人件費、施設運営費などを大幅に削減します。政府機構の簡素化により、行政サービスの迅速化・効率化を目指します。

### ③ 統一的な国家戦略との整合

再編によって行政区画を合理化し、国家レベルでの開発戦略、都市計画、インフラ整備、社会・経済政策を統一的に実行しやすくします。これにより、中長期的な国の発展や安定を見据えた体制を構築します。

### ② 地域発展と地域間格差の均衡の促進

行政区画を再編することで、人口や経済規模が小さい地域の行政基盤を強化し、インフラ整備、公共サービス向上、地域経済の活性化を促進します。また、地域間でばらつきのあった行政能力や公共サービス水準の格差を是正することなどが期待されます。

### ④ 公共サービスの質の向上

行政の階層を減らすことで、意思決定のスピード向上、住民対応の迅速化、行政の透明性・責任性の強化などが期待されます。地方自治をより機能的にすることで、住民にとってアクセスしやすく、きめ細かな行政サービスが提供されやすくなります。



# 4. 結論と今後の展望



今回のベトナムにおける地方再編は、国内で過去最大規模の行政区画再編であり、国家運営の効率化、行政コストの削減、地域開発の加速、公共サービスの改善、そして将来を見据えた国づくりという観点から極めて重要な改革です。

一方で、再編後の運営や住民対応、公務員再配置、制度整備、地域間バランスなど、多数の課題がまだ存在します。特に地域のアイデンティティや住民サービスの維持、小さなコミュニティの声の反映、公平性の確保などは慎重な対応を求められます。



単なる「統合・削減」だけでなく、この改革を契機として、住民参加・地域の声の尊重、公務員の再教育・再配置、透明性のある行政手続き、地域間格差是正、福祉・サービス体制の維持・向上、公共サービスのデジタル化、行政の効率化、地方の自律的な発展、地域間連携、インフラ整備などといった分野が強化すれば、ベトナム全体の持続的成長につながることを期待されます。



# Mục lục

01 Bối cảnh sáp nhập

02 Mục đích sáp nhập

03 Những thử thách dự kiến gặp phải sau khi sáp nhập

04 Kết luận và triển vọng tương lai

再編後のベトナム地図



# 1. Bối cảnh sáp nhập tỉnh thành

Từ trước đến nay, tại Việt Nam, số lượng đơn vị hành chính địa phương (tỉnh/thành phố trực thuộc TW, quận/huyện, xã/phường/thị trấn...) khá nhiều, dẫn đến cơ cấu hành chính nhiều tầng nấc và phức tạp. Trước đây, cả nước có **63** đơn vị hành chính cấp tỉnh (bao gồm các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương), ngoài ra bên dưới còn nhiều cấp độ như quận/huyện, xã/phường/thị trấn...

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa, dịch chuyển dân cư và yêu cầu nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính, mô hình nhiều tầng nấc và số lượng đơn vị hành chính lớn không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Đặc biệt, tại các khu vực có mật độ dân số thấp hoặc quy mô kinh tế - đời sống nhỏ, các đơn vị hành chính cấp huyện và xã quá nhỏ dẫn đến chi phí quản lý - vận hành cao, hiệu quả và tính bền vững thấp.

Ngoài ra, để tinh giản bộ máy, giảm chi phí vận hành, nâng cao tính linh hoạt của chính quyền địa phương, thu hẹp chênh lệch vùng miền và cải thiện chất lượng dịch vụ công, việc rà soát lại cơ cấu đơn vị hành chính đã được đặt ra.



Ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết 60-NQ/TW, quyết định thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính trong cả nước và chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh + xã/phường).

Theo đó, cấp quận/huyện sẽ được bãi bỏ, đồng thời cấp xã/phường cũng được sáp nhập nên số lượng giảm mạnh.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội Việt Nam chính thức phê duyệt phương án quy hoạch đơn vị hành chính mới. Theo đó, số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh giảm từ 63 xuống còn 34.

Đồng thời, cấp quận/huyện bị bãi bỏ.

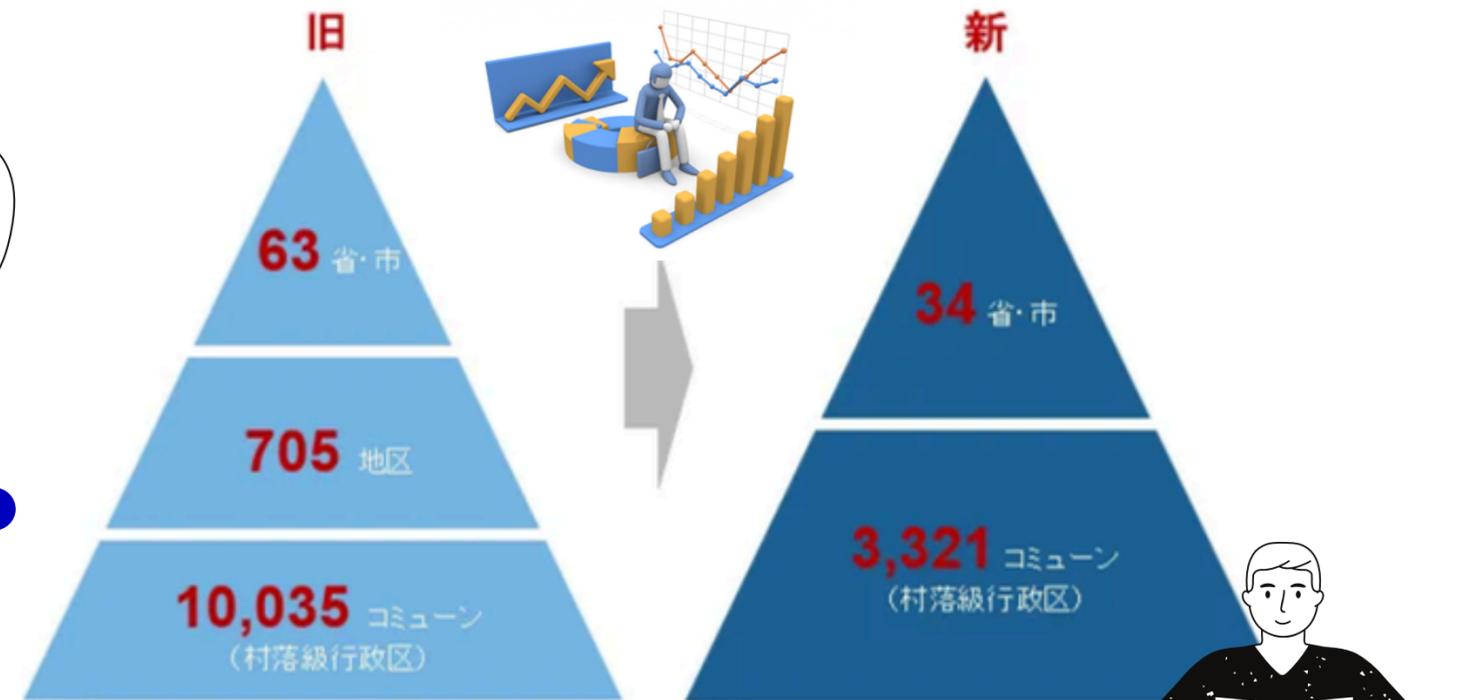
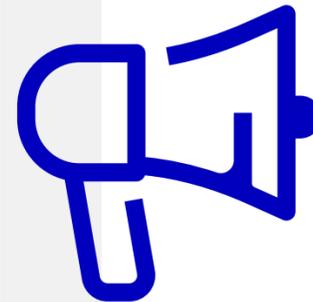
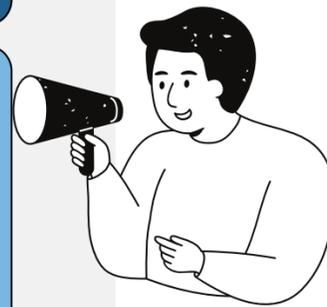
Cấp xã/phường được sắp xếp lại quy mô lớn: Khoảng 10.035 đơn vị cấp xã trên toàn quốc sẽ được sáp nhập còn khoảng 3.321 đơn vị.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương thực hiện mô hình đơn vị hành chính hai cấp kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025. Trong quá trình triển khai, các địa phương đẩy nhanh việc tiến hành sắp xếp, bố trí lại bộ máy hành chính, đội ngũ cán bộ, tinh giản công viên chức địa phương, tái cơ cấu tổ chức, hợp nhất tài sản và cơ sở vật chất, cũng như sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật.



図表

ベトナムの地方行政機構の組織の推移



出所: 政府の情報に基づいてONE-VALUE株式会社が作成





QUỐC HỘI KHÓA XV  
KỲ HỌP THỨ CHÍN

# 34 TỈNH, THÀNH PHỐ SAU SẮP XẾP, SẮP NHẬP

(Theo Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025 của Quốc hội)



CẢ NƯỚC CÓ 34 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

28 TỈNH

6 THÀNH PHỐ

## CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

TP. Hà Nội

Thành Phố Huế

Lạng Sơn

TP. Huế

Nghệ An

Hà Tĩnh

Lai Châu

Điện Biên

Cao Bằng

Quảng Ninh

Sơn La

## CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI

| TÊN TỈNH/ THÀNH PHỐ                                  | DIỆN TÍCH (km <sup>2</sup> ) | DÂN SỐ (người) |
|--|------------------------------|----------------|
| Tuyên Quang (Tuyên Quang+Hà Giang)                   | 13.795,50                    | 1.865.270      |
| Lào Cai (Lào Cai+Yên Bái)                            | 13.254,92                    | 1.778.785      |
| Thái Nguyên (Thái Nguyên+Bắc Kạn)                    | 8.375,21                     | 1.799.489      |
| Phủ Thọ (Phủ Thọ+Yên Phúc+Hòa Bình)                  | 9.361,38                     | 4.022.638      |
| Bắc Ninh (Bắc Ninh+Bắc Giang)                        | 4.718,6                      | 3.679.433      |
| Hưng Yên (Hưng Yên+Thái Bình)                        | 2.514,81                     | 3.567.943      |
| TP. HẢI PHÒNG (TP. Hải Phòng+Hải Dương)              | 3.194,72                     | 4.664.124      |
| Ninh Bình (Ninh Bình+Nam Định+Hà Nam)                | 3.942,62                     | 4.412.264      |
| Quảng Trị (Quảng Bình+Quảng Trị)                     | 12.700                       | 1.870.845      |
| TP. ĐÀ NẴNG (TP. Đà Nẵng+Quảng Nam)                  | 11.859,59                    | 3.045.628      |
| Quảng Ngãi (Quảng Ngãi+Kon Tum)                      | 14.832,55                    | 2.961.755      |
| Gia Lai (Gia Lai+Bình Định)                          | 21.576,53                    | 3.583.693      |
| Khánh Hòa (Khánh Hòa+Ninh Thuận)                     | 8.555,86                     | 2.243.554      |
| Lâm Đồng (Lâm Đồng+Bình Thuận+Đắk Nông)              | 24.233,07                    | 3.872.999      |
| Đắk Lắk (Đắk Lắk+Phước Yên)                          | 18.096,40                    | 3.346.853      |
| TP. HỒ CHÍ MINH (TP.HCM+Bình Dương+ Bà Rịa Vũng Tàu) | 6.772,59                     | 14.002.598     |
| Đồng Nai (Đồng Nai+Bình Phước)                       | 12.732,18                    | 4.491.408      |
| Tây Ninh (Tây Ninh+Long An)                          | 8.536,44                     | 3.254.170      |
| TP. CẦN THƠ (TP. Cần Thơ+Sóc Trăng+Hậu Giang)        | 6.360,83                     | 4.799.824      |
| Vĩnh Long (Vĩnh Long+Bến Tre+Trà Vinh)               | 6.296,20                     | 4.257.581      |
| Đồng Tháp (Đồng Tháp+Tiền Giang)                     | 5.938,64                     | 4.370.046      |
| Cà Mau (Cà Mau+Bạc Liêu)                             | 7.942,39                     | 2.606.672      |
| An Giang (An Giang+Kiên Giang)                       | 9.888,91                     | 4.952.238      |



## BẢN ĐỒ 34 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH VIỆT NAM



TỶ LỆ 1: 3.200.000

## 2. Mục đích sáp nhập

### ① Nâng cao hiệu quả hành chính và giảm chi phí bộ máy

Giảm số lượng đơn vị hành chính giúp tiết kiệm chi phí quản lý, tinh giản biên chế, giảm chi phí vận hành công sở, nâng cao tốc độ và hiệu quả dịch vụ công.

### ③ Bảo đảm thống nhất phù hợp chiến lược quốc gia

Cơ cấu hành chính hợp lý giúp triển khai quy hoạch, chính sách kinh tế - xã hội, đô thị hóa, hạ tầng... một cách thống nhất và hiệu quả hơn. Từ đó, thiết lập một cơ chế nhằm bảo đảm sự phát triển và ổn định của quốc gia trong trung và dài hạn.

### ② Thúc đẩy phát triển vùng và cân bằng khu vực

Sáp nhập nhằm tăng cường quy mô kinh tế, dân số, củng cố nền tảng quản trị ở các vùng yếu, cải thiện hạ tầng, dịch vụ công, thu hẹp chênh lệch năng lực quản trị giữa các vùng.

### ④ Cải thiện chất lượng dịch vụ công

Giảm tầng nấc hành chính giúp tăng tốc quá trình ra quyết định, nâng cao minh bạch, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân. Nhờ vậy sẽ tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ hành chính, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ một cách kịp thời, cụ thể và phù hợp hơn.

# 3. Những thách thức dự kiến sau sáp nhập



**Mất bản sắc địa phương**

Việc bãi bỏ hoặc sáp nhập các đơn vị hành chính gắn liền với truyền thống, lịch sử lâu dài có thể gây ra sự lo lắng, phản đối trong cộng đồng.

**Gián đoạn tạm thời trong cung cấp dịch vụ hành chính**

Việc thay đổi bộ máy, chuyển đổi hệ thống quản lý, thay đổi địa chỉ cư trú, hồ sơ, dữ liệu... có thể gây chậm trễ, sai sót trong giai đoạn đầu.

**Yêu cầu sửa đổi hệ thống pháp luật và thủ tục**

Việc thay đổi đơn vị hành chính kéo theo điều chỉnh luật, quy định, đăng ký hộ khẩu, đất đai, thuế, phạm vi cung ứng dịch vụ...

**Ảnh hưởng đến công chức & nhân sự địa phương**

Do việc tái cơ cấu, có khả năng sẽ phát sinh tình trạng dư thừa nhiều cán bộ công chức, cần giải quyết vấn đề điều chuyển, đào tạo lại, bảo đảm việc làm và ổn định tinh thần.



# 4. Kết luận và triển vọng



Cuộc tái cơ cấu đơn vị hành chính lần này là lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, có vai trò then chốt trong cải thiện hiệu lực quản lý nhà nước, giảm chi phí, thúc đẩy phát triển vùng, nâng cao chất lượng dịch vụ công và xây dựng nền tảng phát triển lâu dài cho đất nước.

Tuy nhiên, nhiều thách thức đặt ra như việc giữ gìn bản sắc địa phương, đảm bảo dịch vụ công ổn định, xử lý nhân sự, hoàn thiện thể chế và đảm bảo công bằng vùng miền. Đặc biệt, việc duy trì bản sắc địa phương và các dịch vụ phục vụ người dân, tiếp nhận đầy đủ sự phản ánh từ các cộng đồng nhỏ, cũng như bảo đảm tính công bằng là những vấn đề cần được xem xét và ứng phó một cách hết sức thận trọng



Thành công của việc tái cơ cấu lần này phụ thuộc vào: sự tham gia của người dân, đào tạo và bố trí lại công chức, minh bạch trong thủ tục, duy trì chất lượng dịch vụ xã hội và giảm chênh lệch vùng miền.

Nếu tận dụng cơ hội này để thúc đẩy số hóa, tăng hiệu quả hành chính, cải thiện kết nối vùng và phát triển hạ tầng, Việt Nam có thể đạt được tăng trưởng bền vững và cạnh tranh hơn trong tương lai.